TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2023
Về việc tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
  Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn VănPi**
  Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhạn**
  Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**
- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Trần Thị Đèo –** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phiên tòa*: Ông **Phạm Hoàng Giang**, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 159/2023/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trương Văn T**, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khóm 3, phường H , thị xã G, tỉnh B (*Có đơn xin vắng mặt)*.
- *Bị đơn:* Bà **Lê ThịP**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp 3, xã Ph, thị xã G, tỉnh B *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trương Văn T trình bày:

Ông Trương Văn T và bà Lê ThịP chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1993, có tổ chức lễ cưới trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng ban đầu rất hòa hợp, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đến nay vợ chồng phát sinh nhiều vấn đề mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống, gia đình hàn gắn không thành, không sống chung với nhau đã 12 năm. Nay ông Trương Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đối với bị đơn bà Lê ThịP:

Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với bà Lê ThịP.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn bà Lê ThịP trình bày:

BàP đồng ý theo phần trình bày của ông Trương Văn T, vợ chồng chung sống với nhau năm 1993, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, bàP có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: BàP đồng ý theo yêu cầu ly hôn của ông T.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 71, Điều 72 BLTTDS. Nguyên đơn bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân yêu cầu HĐXX tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Văn T và bà Lê ThịP. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án có đủ căn cứ nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 1993, ông Trương Văn T và bà Lê ThịP tự nguyện sống chung vợ chồng với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng

ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống bất đồng quan điểms, có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng có nhiều lần cự cải, gia đình có nhiều lần hàn gắn nhưng không được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân 12 năm.

Hội đồng xét xử xét thấy, về quan hệ hôn nhân ông T và bàP chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1993, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy hôn nhân giữa ông T và bàP là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1, Điều 9; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội.

[2.2] Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu nên không đặt ra.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Trương Văn T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 238 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các khoản 1, Điều 9; Điều 14; Điều 51; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của Quốc hội.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27; tiểu mục 1.1, mục 1 phần II danh mục án phí Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Văn T và bà Lê ThịP.

2. Về quan hệ con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T đã dự nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014576 ngày 30/3/2023, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai sẽ được chuyển thu án phí.

Án sử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt biết thời hạn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND cùng cấp;
-Chi cục THADS cùng cấp;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Nguyễn VănPi